TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY PHƯỚC,** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2021/HNGĐ-ST
Ngày 15-01-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lệ Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Phương.

2. Ông Phạm Thành Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quang – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 278/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2020, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1960/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2021/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trương Vĩnh N, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ 63, khu vực 8, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định; có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị H, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn V, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 10 năm 2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông Trương Vĩnh N trình bày: Ông và bà Lê Thị H tìm hiểu được 02 năm thì tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 12 tháng 6 năm 2009 tại Ủy ban nhân dân phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông sống chung với cha mẹ ông. Thời gian đầu vợ chồng ông chung sống hạnh phúc. Đến năm 2015 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân vì trong

thời gian này bà H làm ăn thua lỗ nhưng không trình bày rõ ràng với ông. Khi hai bên xích mích thì bà H bỏ nhà đi. Gia đình hai bên đã cố gắn hòa giải cho vợ chồng ông nhưng không thể hàn gắn được. Theo ông được biết hiện nay bà H đã có con với người khác. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà H.

Về con chung: Ông và bà H có 02 con chung là cháu Trương Thành P, sinh ngày 19 tháng 3 năm 2004 và cháu Trương Thị Trúc V, sinh ngày 01 tháng 10 năm 2006. Từ ngày bà H bỏ đi cho đến nay thì hai con vẫn đang sống với ông. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, ông yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông và bà H không có tài sản chung, không có nợ chung.

Tại phiên Toà hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước phát biểu: Về thủ tục tố tụng: Tòa án tiến hành thu thập đầy đủ các tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cho ông N được ly hôn, giao con chung cho ông N chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Trương Vĩnh N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con với bà Lê Thị H là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà H đang cư trú tại huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn bà Lê Thị H vắng mặt dù đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, chỉ có ông N cung cấp tài liệu, chứng cứ và lời khai nên Tòa án chỉ căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ này và kết quả xác minh của Tòa án để giải quyết vụ án.

[4] Về hôn nhân: Ông Trương Vĩnh N và bà Lê Thị H tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 12 tháng 6 năm 2009 tại UBND phường Nhơn Bình, thành phố Quy

Nhơn, tỉnh Bình Định nên hôn nhân giữa ông N, bà H là hôn nhân hợp pháp. Ông N yêu cầu ly hôn vì bà H đã bỏ nhà đi từ năm 2015 đến nay, gia đình đã hòa giải nhưng không đoàn tụ được. Hội đồng xét xử xét thấy là vợ chồng thì phải sống chung, cùng nhau chăm sóc con, chăm lo kinh tế gia đình nhưng đã 05 năm vợ chồng ông N, bà H không còn sống chung, không cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Điều đó có thể chứng minh cả hai đã không còn tình cảm làm cho tình trạng hôn nhân giữa ông N và bà H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, cho ông N được ly hôn bà H.

[5] Về quan hệ con chung: Ông N và bà H có 02 con chung là cháu Trương Thành P, sinh ngày 19 tháng 3 năm 2004 và cháu Trương Thị Trúc V, sinh ngày 01 tháng 10 năm 2006. Ông N yêu cầu được nuôi dưỡng hai con. Xét thấy từ khi sống ly thân đến nay, cháu P, cháu V vẫn do ông N chăm sóc, nuôi dưỡng và ông N vẫn đảm bảo để 02 cháu được phát triển bình thường. Quá trình giải quyết vụ án, các cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống với ông N. Do đó, việc giao con cho ông N chăm sóc, giáo dục là đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các cháu và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Ông N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về tài sản chung và nợ: Ông N, bà H không có tài sản chung, không có nợ chung.

[7] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, ông Trương Vĩnh N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 3 Điều 81, các Điều 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

1. Cho ông Trương Vĩnh N được ly hôn bà Lê Thị H.

2. Giao con chung là cháu Trương Thành P, sinh ngày 19 tháng 3 năm 2004 và cháu Trương Thị Trúc V, sinh ngày 01 tháng 10 năm 2006 cho ông Trương Vĩnh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Cháu P, cháu V đang sống với ông N. Bà H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc làm ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục

con. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cũng như việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Ông Trương Vĩnh N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí mà ông N đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000823 ngày 19 tháng 10 năm 2020 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phước.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Tuy Phước;
- CC THADS huyện Tuy Phước;
- UBND P. Nhơn Bình, TP. Quy Nhơn (Số 67/2009);
- Lưu hồ sơ vụán.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Lệ Quyên